

Bản án số: 460/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 10-9-2020
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Mai Nhật Chương.
2. Bà Đàm Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Bà Lưu Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 265/2020/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 175/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2020/QĐST-HNGĐ ngày 31 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Sơn Thị Ngọc T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Đường T, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Võ Thanh T, sinh năm 1974.

Địa chỉ thường trú: Đường B, Phường 12, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Đường N, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nguyên đơn có đơn đề nghị vắng mặt, bị đơn vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 05/6/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Sơn Thị Ngọc T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Võ Thanh T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 15/7/2016. Quá trình chung sống vợ chồng không hợp nhau do vậy thường xuyên xảy ra cãi vã từ năm 2017,

sau nhiều lần hàn gắn và hòa giải nhưng không có kết quả. Ông T rất thô lỗ, chửi bới, đánh đập, đuổi bà Th ra khỏi nhà 03 lần. Mặc dù sống chung nhà nhưng ông T không quan tâm đến vợ con, sống vô trách nhiệm, chỉ biết nghĩ tới bản thân mình. Vợ chồng ông bà không còn ràng buộc nhau về kinh tế và đã sống ly thân nhiều tháng nay. Bà đã nộp đơn ly hôn một lần tại Tòa án nhân dân Quận 10 để ông T thay đổi cách sống, nhằm tiếp tục xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng ông T vẫn tính nào tật đó. Từ tháng 5/2019, ông T đã bỏ nhà ra đi theo người khác, thỉnh thoảng gọi về chửi bà Th và không thăm con, cũng không trợ cấp nuôi con. Khi làm vợ ông T, bà không hạnh phúc, bị khủng hoảng tinh thần, đau đớn thể xác. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà làm đơn xin được ly hôn với ông Võ Thanh T.

Về con chung: Bà và ông T có 01 con chung, trẻ Võ Thành T, sinh ngày 02/9/2016. Bà đề nghị là người trực tiếp nuôi trẻ Thành T.

Về cấp dưỡng: Không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Thảo khai không có.

Bị đơn – ông Võ Thanh T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và không có lời khai tại Tòa án.

Tòa án nhân dân Quận 10 xác minh tình trạng hôn nhân của bà Th và ông T nhưng Ủy ban nhân dân Phường 14, Quận 10 không nắm được tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng ông T và bà Th.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 phát biểu: Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa và Hội đồng xét xử tại phiên tòa thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, bà Th yêu cầu được ly hôn là tranh chấp quan hệ về hôn nhân và gia đình, bị đơn – ông Võ Thanh T có nơi cư trú tại Phường 14, Quận 10 tại thời điểm Tòa thụ lý vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn – bà Th có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn – ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông T và bà Th.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 15/7/2016, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông T và bà Th là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

[4] Qua phần trình bày của bà Th, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng bà Th và ông T trầm trọng. Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ nhưng ông T không đến Tòa án để trình bày quan điểm của ông đối với yêu cầu ly hôn của bà Th, cũng như đưa ra các chứng cứ chứng minh khác phản bác ý kiến của bà Th. Qua đó đã cho thấy ông T không quan tâm đến việc hàn gắn quan hệ hôn nhân với bà Th. Xét vì mục đích hôn nhân không đạt được, hôn nhân không còn tồn tại nên yêu cầu ly hôn của bà Th được chấp nhận.

[5] Về con chung: Bà Th và ông T có 01 con chung, trẻ Võ Thành T, sinh ngày 02/9/2016. Hiện, trẻ Thành T ở chung với bà Th. Trẻ Thành T có trình bày nguyện vọng muốn ở với bà Th nên Hội đồng xét xử chấp nhận bà Th là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ Thành T.

[6] Về cấp dưỡng: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Bà Th phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điểm b Khoản 2 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51, Khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 110, Điều 116, Điều 117 và Điều 118 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Sơn Thị Ngọc Th được ly hôn với ông Võ Thanh T.

- Về con chung: Bà T và ông T có 01 (một) con chung, trẻ Võ Thành T, sinh ngày 02/9/2016. Giao trẻ Võ Thành T cho bà Th người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của bà Th.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

- Về cấp dưỡng: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Th phải chịu. Bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014667 ngày 10/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- UBND Phường 14, Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Mỹ Phương